

Số: **872** /QB-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **22** tháng **3** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024
của Quận 12

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thông qua Danh mục dự án cần thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thông qua Danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo báo cáo và đề xuất, kiến nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1621/TTr-STNMT-QLĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024; Ủy ban nhân dân Quận 12 tại Tờ trình số 756/TTr-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Quận 12 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch 2024.
2. Diện tích thu hồi đất năm 2024.
3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024.
4. Diện tích đất chưa sử dụng.

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 12 và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND.TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Thành viên UBND TP;
- VPUB: Các PCVP;
- Các phòng NCTH;
- Lưu: VT (ĐT-LHT). 05 .



Bùi Xuân Cường

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)										
				Phường An Phú Đông	Phường Hiệp Thành	Phường Thới An	Phường Tân Chánh Hiệp	Phường Thạnh Lộc	Phường Tân Thới Hiệp	Phường Thạnh Xuân	Phường Đông Hưng Thuận	Phường Trung Mỹ Tây	Phường Tân Hưng Thuận	Phường Tân Thới Nhất
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(8)+...	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, huyện, xã	DHT	1065.83	118.94	96.16	99.67	136.96	113.96	60.95	161.69	83.30	70.12	50.82	73.27
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL												
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1.74	0.25	0.34	0.16	0.15	0.10	0.11	0.33	0.03	0.10	0.14	0.04
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	22.94	3.09	0.78	2.18	1.86	3.54	0.19		1.89	1.91	5.78	1.71
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT												
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	2440.54	438.52	267.95	218.88	179.76	314.11	158.73	351.84	132.53	95.47	107.97	174.79
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17.02	0.64	1.26	4.33	1.84	0.99	1.74	1.13	2.32	1.16	0.36	1.26
2.16	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp	DTS	10.19		0.47	0.09	5.89	3.50		0.24				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG												
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5.98	0.75	0.02	0.15	0.77	0.59	0.57	1.78	0.30	0.28	0.28	0.49
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	185.96	100.59		20.05		46.29		14.93	0.02			4.08
2.20	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC												
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1.34			1.05							0.22	0.06
3	Đất chưa sử dụng	CSD												
4	Đất khu công nghệ cao	KCN												
5	Đất khu kinh tế	KKT												
6	Đất đô thị	KDT	5.273,93	875,34	543,66	518,74	421,82	583,99	261,87	971,08	255,95	271,08	180,57	389,83

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2024

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Phú Đông	Phường Hiệp Thành	Phường Thới An	Phường Tân Chánh Hiệp	Phường Thạnh Lộc	Phường Tân Thới Hiệp	Phường Thạnh Xuân	Phường Đông Hưng Thuận	Phường Trung Mỹ Tây	Phường Tân Hưng Thuận	Phường Tân Thới Nhất
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Đất nông nghiệp	NNP	10,53	3,03	0,60	2,83		0,65		1,56				1,86
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	10,53	3,03	0,60	2,83		0,65		1,56				1,86
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6,34	0,31	0,34	2,55		0,79	0,07	2,01	0,08	0,20		
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,17			0,12		0,01		0,04				
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	6,13	0,26	0,34	2,43		0,78	0,07	1,97	0,08	0,20		
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,04	0,04										
2.4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,01	0,01										

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

Đơn vị tính: ha

ST T	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Phú Đông	Phường Hiệp Thành	Phường Thới An	Phường Tân Chánh Hiệp	Phường Thạnh Lộc	Phường Tân Thới Hiệp	Phường Thạnh Xuân	Phường Đông Hưng Thuận	Phường Trung Mỹ Tây	Phường Tân Hưng Thuận	Phường Tân Thới Nhất
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	53,61	22,76	0,97	14,90	2,87	3,21	0,50	5,36	0,25	0,18	0,09	2,52
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	51,92	22,76	0,97	14,90	1,18	3,21	0,50	5,36	0,25	0,18	0,09	2,52
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,69			1,69								
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp													
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,12			0,12								

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2024:

Trên địa bàn Quận 12 không có diện tích đất chưa sử dụng.